|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  Số: / STTTT-ĐTHTS  V/v đề nghị báo cáo tình hình các Đài truyền thanh cơ sở cấp xã, huyện năm 2022 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đà Nẵng, ngày tháng 02 năm 2023* |

Kính gửi:

- Trung tâm văn hóa thông tin các quận: Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, huyện Hòa Vang;

- Phòng Văn hóa, Thông tin các quận: Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, huyện Hòa Vang;

- UBND các phường xã thuộc các quận: Liên Chiểu, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, huyện Hòa Vang;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chế độ báo cáo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông.

Để có thông tin phục vụ báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông kính đề nghị quý cơ quan, đơn vị báo cáo hiện trạng thiết bị, nhân lực của Đài truyền thanh cơ sở tại đơn vị (cấp xã, cấp quận) tại đơn vị mình theo các biểu đính kèm.

1. UBND các xã phường báo cáo cho Phòng Văn hóa, Thông tin quận, huyện theo Phụ lục I trước ngày 20/02/2022.

2. Phòng Văn hóa, Thông tin quận huyện tổng hợp báo cáo thông tin của Đài Truyền thanh cấp xã theo Phụ lục II trước ngày 25/02/2022 gửi về Sở Thông tin và Truyền thông. Bản mềm xin gửi về email: [hoaiktt@danang.gov.vn](mailto:hoaiktt@danang.gov.vn).

3. Trung tâm Văn hóa Thông tin các quận báo cáo thông tin của Đài Truyền thanh cấp quận theo Phụ lục III trước ngày 25/02/2022 gửi về Sở Thông tin và Truyền thông. Bản mềm xin gửi về email: [hoaiktt@danang.gov.vn](mailto:hoaiktt@danang.gov.vn).

Bản mềm của biểu mẫu đề nghị tải tại website: <https://tttt.danang.gov.vn/> mục biểu mẫu điện tử/Biểu mẫu báo cáo truyền thanh cơ sở năm 2022.

Phản hồi xin gửi lại cho Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 25/02/2022 để tổng hợp hoàn thiện báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông. Mọi thắc mắc xin liên hệ số điện thoại 0986.151.860 hoặc địa chỉ email: [hoaiktt@danang.gov.vn](mailto:hoaiktt@danang.gov.vn) gặp chị Thu Hoài.

Vậy, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng rất mong quý cơ quan, đơn vị phối hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lãnh đạo Sở;  - Lưu: VT, ĐTHTS. TH | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Lê Sơn Phong** |

**Phụ lục I**

**BIỂU DÀNH CHO UBND XÃ PHƯỜNG**

*(Đính kèm Công văn số /STTTT-ĐTHTS ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Biểu TTCS-01** | | **MỘT SỐ THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG  ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ** | | | | | Đơn vị báo cáo:  UBND (cấp xã) | | |
| Ban hành kèm theo TT số ...../2022/TT-BTTTT | |
|
| Ngày nhận báo cáo: Trước 20/02 năm tiếp theo | | Đơn vị  nhận báo cáo: Phòng VH&TT | | |
|  | |  |  | |
| **Năm 20...** | | | | |
|  |  |  |  |  |  | | *Mã số:* | |  |
| 1 | Tên xã/phường/thị trấn: | |  | |  |  | |  | |
| 2 | Thuộc huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh: | |  | |  |  | |  | |
| 3 | Thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: | |  | |  |  | |  | |

| **TT** | | **TÊN CHỈ TIÊU/NHÓM CHỈ TIÊU** | | | | | | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | | **B** | | | | | | | **C** | **1** | | **2** |
| 1 | | Đơn vị có đài truyền thanh cấp xã | | | | | | |  |  | | Đánh dấu X vào ô phù hợp trên Cột 1 |
| 2 | | **CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHƯƠNG TIỆN, MỨC PHỔ CẬP** | | Công nghệ truyền thanh đài truyền thanh cấp xã có sử dụng | Đài có dây | | | |  |  | |
| 3 | | Đài không dây | | | |  |  | |
| 4 | | Đài cả có dây và không dây | | | |  |  | |
| 5 | | Đài ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông | | | |  |  | |
| 6 | | Tỷ lệ phủ sóng phát thanh của đài truyền thanh cấp xã | | | | | % |  | |  |
| 7 | | **NHÂN LỰC** | | Tổng số người làm việc (7= 9+ 10+ 11) | | | | | Người |  | |  |
| 8 | | Trong đó nữ | | | | | Người |  | |  |
| 9 | | Tổng số người làm việc chia ra | Kiêm nhiệm | | Công chức văn hóa - xã hội | | Người |  | |  |
| 10 | | Công chức khác | | Người |  | |  |
| 11 | | Cán bộ không chuyên trách | | | | Người |  | |  |
| 12 | | Trình độ, chuyên ngành đào tạo | Đại học trở lên | | Báo chí, tuyên truyền | | Người |  | |  |
| 13 | | Điện tử-Viễn thông, CNTT | | Người |  | |  |
| 14 | | Ngành khác | | Người |  | |  |
| 15 | | Cao đẳng trở xuống | | Báo chí, tuyên truyền | | Người |  | |  |
| 16 | | Điện tử - Viễn thông, công nghệ thông tin | | Người |  | |  |
| 17 | | Ngành khác | | Người |  | |  |
| 18 | | Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm | | | Kỹ năng sản xuất chương trình, biên tập tin, bài | | Người |  | |  |
| 19 | | Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị kỹ thuật | | Người |  | |  |
|  |  | |  | | |  | | *... ngày ... tháng ... năm 20...* | | |
|  | **TỔNG HỢP, LẬP BIỂU** *(Thông tin người thực hiện)* | | | | |  | | **CHỦ TỊCH**  *(Ký điện tử)* | | |
|  |  | | | | |  | |  | | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *a) Khái niệm, phương pháp tính* | | | | | |
|  | **Số lượng nhân lực của đài truyền thanh cấp xã:** Là số người làm việc của đài truyền thanh cấp xã của kỳ báo cáo. | | | | |
|  | **Tỷ lệ phủ sóng phát thanh của đài truyền thanh cấp xã:** Là tỷ lệ % giữa số lượng hộ dân cư nghe được truyền thanh cấp xã và tổng số hộ dân cư tại địa bàn cấp xã tương ứng của kỳ báo cáo. | | | | |
| *b) Cách ghi biểu* | | | | | |
|  | *Phần thông tin định danh:* |  |  |  |  |
|  | Mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Ghi theo bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. | | | | |
|  | *Phần thông tin trên biểu:* | | | | |
| *Dòng* | *Nội dung* | | | | |
|  | Các dòng từ dòng 1 đến dòng 20: Ghi thông tin tương ứng liên quan đến đài truyền thanh của xã, phường, thị trấn (viết gọn là xã). | | | | |
| (1) | Đánh dấu X nếu xã có tổ chức Đài truyền thanh cấp xã. Nếu không phải thì để trống. | | | | |
| (2) | Đánh dấu X nếu đài truyền thanh cấp xã sử dụng công nghệ có dây. Nếu không phải thì để trống. | | | | |
|  | Các Dòng (3), (4), (5): Ghi thông tin tương tự như cách ghi áp dụng đối với Dòng 2. | | | | |
| *c) Nguồn số liệu* | | | | | |

Từ dữ liệu hành chính của UBND cấp xã và các thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý và vận hành Đài truyền thanh cấp xã.

**Phụ lục II**

**BIỂU TỔNG HỢP CHO PHÒNG VĂN HÓA, THÔNG TIN QUẬN, HUYỆN**

*(Đính kèm Công văn số /STTTT-ĐTHTS ngày tháng 02 năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Biểu TTCS-01.1** | **TỔNG HỢP MỘT SỐ KẾT QUẢ**  **HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THANH CẤP XÃ**  **TẠI ĐỊA BÀN HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN** | Đơn vị báo cáo:  Phòng VH&TT |
|  | Ban hành kèm theo TT  số ...../2022/TT-BTTTT |  |
|  | Ngày nhận báo cáo: Trước 25/02 năm tiếp theo | **Năm 20...** | Đơn vị nhận báo cáo: UBND cấp huyện, Sở TT&TT |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Mã đơn vị** | **Đơn vị có đài truyền thanh cấp xã** | **CƠ SỞ VẬT CHẤT,**  **PHƯƠNG TIỆN, MỨC PHỔ CẬP** | | | | | **NHÂN LỰC** | | | | | | | | | | | | | **Ghi chú** |
| **Công nghệ phát thanh đài xã có sử dụng (đánh dấu X vào ô phù hợp)** | | | | **Tỷ lệ hộ gia đình nghe được truyền thanh cấp xã (%)** | **Tổng số người làm việc (7= 9+ 10+11)** | **Trong đó nữ** | **Tổng số người làm việc chia ra** | | | **Trình độ, chuyên ngành đào tạo** | | | | | | **Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm** | |
| **Đài có dây** | **Đài không dây** | **Đài cả có dây và không dây** | **Đài ứng dụng CNTT-VT** | **Kiêm nhiệm** | | **Cán bộ không chuyên trách** | **Đại học trở lên** | | | **Cao đẳng trở xuống** | | |
| **Công chức văn hóa - xã hội** | **Công chức khác** | **Báo chí,  tuyên truyền** | **Điện tử-Viễn thông, CNTT** | **Ngành khác** | **Báo chí,  tuyên truyền** | **Điện tử - Viễn thông, CNTT** | **Ngành khác** | **Kỹ năng sản xuất chương trình, biên tập tin, bài** | **Ứng dụng  CNTT, sử dụng thiết bị kỹ thuật** |
| **A** | **B** | **C** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
|  | **(HUYỆN)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Xã 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Xã 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔNG HỢP, LẬP BIỂU**  *(Thông tin người thực hiện)* | **KIỂM TRA BIỂU**  *(Thông tin người thực hiện)* | *..., ngày ... tháng ... năm 20...*  **TRƯỞNG PHÒNG**  *(Ký điện tử)* |

|  |  |
| --- | --- |
| *A) Cách ghi biểu* | |
|  | Cột A: Ghi thứ tự các đơn vị hành chính cấp xã, huyện. |
|  | Cột B: Ghi tên đơn vị hành chính cấp huyện, xã. |  | |
|  | Cột C: Ghi mã số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tương ứng với đơn vị có tên tại Cột B. Ghi theo bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. |
|  | *Cách ghi thông tin cho các đơn vị hành chính cấp xã trên biểu:* |  | |
|  | Cột 1: Đánh dấu X nếu đơn vị có tên ở Cột B có Đài truyền thanh cấp xã. Để trống nếu đơn vị có tên tại cột B không có đài truyền thanh cấp xã. |  |
|  | Cột 2: Đánh dấu X nếu đài truyền thanh cấp xã tại Cột B là loại sử dụng công nghệ có dây. Để trống nếu không phải.  Các cột 3, 4, 5: Ghi thông tin như cách ghi đã áp dụng đối với Cột 2. |  |
|  | Các cột từ Cột 6 đến Cột 20: Ghi thông tin tương ứng với đơn vị có tên tại Cột B. |  |
|  | Cách ghi số liệu tổng hợp cho các đơn vị hành chính cấp huyện trên biểu: |
|  | *Sau khi ghi xong thông tin cho các đơn vị hành chính cấp xã thuộc Huyện, tiến hành ghi số liệu tổng hợp cho Huyện. Cách ghi như sau:* |
|  | Các Cột 1, 2, 3, 4, 5: Đếm số ô có đánh dấu X thuộc từng cột, ghi số đếm được lên ô tương ứng. |
|  | Các cột còn lại (trừ Cột 6): Cộng các giá trị thuộc từng cột, ghi số tổng lên ô tương ứng. |
|  | Cột 6: Ghi thông tin tương ứng là số liệu bình quân gia quyền của các Đài truyền thanh cấp xã thuộc Huyện. Số liệu bình quân gia quyền được tính trên cơ sở số liệu liên quan của đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn Huyện. |
| *b) Nguồn số liệu* | |

Biểu tập hợp tương ứng từ Biểu mẫu [TTCS-01](#TTCS_01) do các Đài truyền thanh cấp xã đã báo cáo Phòng VH&TT và từ dữ liệu hành chính của Phòng.

**Phụ lục III**

**BIỂU DÀNH CHO TRUNG TÂM VĂN HÓA THÔNG TIN QUẬN HUYỆN**

*(Đính kèm Công văn số /STTTT-ĐTHTS ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Biểu TTCS-02** | | **MỘT SỐ THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG  CƠ SỞ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH  CẤP HUYỆN** | | | | | | | Đơn vị báo cáo:  TT VHTT quận huyện | |
| Ban hành kèm theo TT số ...../2022/TT-BTTTT | |
|
| Ngày nhận báo cáo: Trước 25/02 năm tiếp theo | | Đơn vị  nhận báo cáo: Sở TT&TT | |
|  | | |  | |  | |
| **Năm 20...** | | | | | | |
|  |  |  |  |  | |  | | *Mã số:* | |  |
| 1 | Thuộc huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh: | |  | | |  | |  | |  |
| 2 | Thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: | |  | | |  | |  | |  |

| **TT** | **TÊN CHỈ TIÊU/NHÓM CHỈ TIÊU** | | | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | | | | **C** | **1** | **2** |
| 1 | Đơn vị có cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện (Cơ sở TT-TH) | | | |  |  | (Đánh dấu X vào ô phù hợp ở Cột 1) |
| 2 | Cơ sở TT-TH đã sáp nhập vào đơn vị sự nghiệp văn hóa, thông tin cấp huyện | | | |  |  |
| 3 | **CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHƯƠNG TIỆN, MỨC PHỔ CẬP** | Công nghệ phát thanh của Cơ sơ TT-TH | Đài có dây | |  |  | (Đánh dấu X vào ô phù hợp ở Cột 1) |
| 4 | Đài không dây FM | |  |  |
| 5 | Đài cả có dây và không dây FM | |  |  |
| 6 | Tỷ lệ phủ sóng phát thanh của đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện | | | % |  |  |
| 7 | **NHÂN LỰC** | Số lượng nhân lực của Cơ sở TT-TH  (7 = 9 +10 + 11) | | | Người |  |  |
| 8 | Trong đó nữ | | | Người |  |  |
| 9 | Tổng số người hiện có phân tổ theo nhóm công việc | Thực hiện công việc liên quan đến sản xuất nội dung | | Người |  |  |
| 10 | Thực hiện công việc liên quan đến kỹ thuật | | Người |  |  |
| 11 | Công việc khác | | Người |  |  |
| 12 | Trình độ, chuyên ngành đào tạo | Đại học trở lên | Báo chí,   truyền thông | Người |  |  |
| 13 | Điện tử - Viễn thông, CNTT | Người |  |  |
| 14 | Ngành khác | Người |  |  |
| 15 | Cao đẳng trở xuống | Báo chí,   truyền thông | Người |  |  |
| 16 | Điện tử - Viễn thông, CNTT | Người |  |  |
| 17 | Ngành khác | Người |  |  |
| 18 | Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm | | Kỹ năng sản xuất chương trình, biên tập tin, bài | Người |  |  |
| 19 | Ứng dụng  CNTT, sử dụng thiết bị kỹ thuật | Người |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | *... ngày ... tháng ... năm 20...* |  |
|  | **TỔNG HỢP, LẬP BIỂU** | |  | **LÃNH ĐẠO CƠ QUAN** |  |
|  | *(Thông tin người thực hiện)* | |  | *(Ký điện tử)* |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *a) Khái niệm, phương pháp tính* | | | | | | | |
|  | **Số lượng nhân lực của Cơ sở TT-TH:** Là số người hưởng lương tại cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện (cơ sở TT-TH) tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo (gồm người làm quản lý, người làm nội dung, người làm kỹ thuật, người làm các công việc phục vụ khác). | | | | | | |
|  | **Tỷ lệ phủ sóng phát thanh của đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện:** Là tỷ lệ % giữa số lượng hộ dân cư nghe được, thu được tín hiệu của đài truyền thanh cấp huyện và tổng số hộ dân cư tại địa bàn cấp huyện tương ứng của kỳ báo cáo. | | | | | | |
| *b) Cách ghi biểu* | | | | | | | |
|  | *Phần thông tin định danh:* | | | | | | |
|  | Mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện: Ghi theo bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. | | | | | | |
|  | *Phần thông tin trên biểu:* | |  |  |  |  |  |
| *Dòng* | *Nội dung* |  |  |  |  |  |  |
|  | Các dòng từ (1) đến dòng (19): Ghi thông tin tương ứng đối với Cơ sở TT-TH như hướng dẫn cụ thể trên biểu mẫu.  *Trong đó:* | | | | | | |
| (1) | Đánh dấu X nếu đơn vị có Cơ sở TT-TH cấp huyện đang hoạt động độc lập. Nếu không phải thì để trống. | | | | | | |
| (2) | Đánh dấu X nếu Cơ sở TT-TH đã sáp nhập vào đơn vị sự nghiệp văn hóa, thông tin cấp huyện. Nếu không phải thì để trống. | | | | | | |
| *c) Nguồn số liệu* | |  |  |  |  |  |  |
|  | Biểu được lập từ thông tin, dữ liệu của Trung tâm VHTT quận huyện phục vụ tổ chức hoạt động của cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện. | | | | | | |